TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Minh Trang

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 *"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2023, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Đào Tuyết TT, sinh năm 1991; Nơi ĐKHKTT: số .. H, phường H, quận HK, TP Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: … ngõ H, phường HT, quận HK, Tp Hà Nội;

2. Bị đơn: Anh Phạm Thanh T Th, sinh năm 1990; Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn P, xã P, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Chị TT và anh Th đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Đào Tuyết TT trình bày: Chị Đào Tuyết TT và anh Phạm Thanh T Th được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận HK, Tp Hà Nội ngày 12/6/2018. Sau khi kết hôn, anh chị về sống với nhau tại số nhà .., ngõ H, phường HT, quận HK, Tp Hà Nội. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Th không chịu làm ăn,

không tìm công việc ổn định để làm nên không có thu nhập, kinh tế vợ chồng luôn trong tình trạng khó khăn. Mặc dù được hai bên gia đình tạo điều kiện về kinh tế để mở cửa hàng kinh doanh nhưng anh Th đã cầm tiền chi tiêu cá nhân hết, rồi ra ngoài xin việc làm tự do, cứ sáng đi tối về. Tuy nhiên, anh Th không có tiền đưa cho chị TT để chăm lo gia đình, thời gian ở nhà anh Th cũng không hỗ trợ chị TT trông nom, chăm sóc con chung. Bố mẹ chị đã tạo công việc cho anh Th bán hàng tại nhà. Cuối năm 2022, do anh Th có hành động, hành vi không trung thực, không đúng mực và không tôn trọng mẹ đẻ chị nên đã xảy ra mâu thuẫn giữa mẹ chị và anh Th. Mặc dù anh Th có nhận lỗi nhưng gia đình và bản thân chị không thể chấp nhận được. Sau đó, anh Th đã tự bỏ ra ngoài thuê trọ, không ở cùng với mẹ con chị TT nữa và cũng mất liên lạc luôn, không dùng số điện thoại cũ. Đến ngày 05/01/2023, chị TT nhận được các cuộc gọi và tin nhắn của các số điện thoại lạ đòi tiền và đe dọa chị TT, yêu cầu chị TT phải trả nợ cho các khoản vay của anh Th, khi vay tiền anh Th đã cho họ số điện thoại của chị TT và mẹ đẻ chị TT. Tình trạng này kéo dài khiến chị TT luôn sống trong tình trạng lo sợ, tinh thần hoảng loạn, cuộc sống bất an, chị TT và mẹ chị phải đổi số điện thoại để tránh các cuộc gọi đòi tiền, đe dọa. Chị TT xác định hôn nhân không thể kéo dài được nữa, tình cảm giữa chị và anh Th không còn, chị xin ly hôn với anh Th để mẹ con chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm P, sinh ngày 07/01/2019 và Phạm K, sinh ngày 04/8/2021, hiện nay hai cháu đang ở cùng với chị TT. Ly hôn, chị TT đề nghị được tiếp tục nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án: Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Phạm Thanh T Th, Thư ký Tòa án có gửi các văn bản, giấy triệu tập qua Zalo cho anh Th, anh Th đã nhận được, hẹn ngày đến Tòa làm việc nhưng anh Th không đến và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày quan điểm của anh về các nội dung liên quan đến vụ án.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 13842/QLXNC - P5 ngày 03/6/2023 thể hiện: Không có thông tin xuất nhập cảnh của trường hợp Phạm Thanh T Th, sinh ngày 15/10/1990; CMND số 030090003...

Bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ anh Phạm Thanh T Th trình bày: Anh chị được tự do ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị lên Hà Nội ăn ở và làm việc. Đến cuối năm 2021, bà biết được vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn là do anh Th không

chịu làm, mải chơi, không có thu nhập, không hỗ trợ chị TT trong việc chăm sóc con cái. Sau đó, anh chị đã nói chuyện được với nhau, anh Th hứa sẽ sửa sai, vì con nên anh chị tiếp tục sống với nhau. Đầu năm 2023, anh Th vay nợ của một số người và không có khả năng trả. Khi vay tiền, anh Th đã cung cấp số điện thoại của người thân cho chủ nợ dẫn đến việc chủ nợ thường xuyên gọi điện đe dọa, trong đó bản thân bà cũng bị chủ nợ của anh Th gọi điện liên tục để đòi nợ. Vì phải trốn nợ nên anh Th đã bỏ ra ngoài thuê trọ sống, nay đây mai đó không cố định ở chỗ nào và thay số điện thoại liên tục. Bà cũng đã đứng ra trả cho anh Th một số tiền nhưng không trả hết được, số tiền cụ thể anh Th đang vay nợ bao nhiêu bà không nắm được. Anh Th có biết việc chị TT làm đơn xin ly hôn nhưng vì nợ nhiều, anh Th không dám về nhà gặp vợ con, thỉnh thoảng anh Th về nhà với bà xong lại đi ngay. Hiện nay anh Th sống ở đâu bà không biết. Khi gọi điện nói chuyện với bà, anh Th trình bày quan điểm không muốn vợ chồng ly hôn nhưng cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về con chung, anh Th nhất trí để chị TT tiếp tục nuôi cả hai con, anh Th không có khả năng cấp dưỡng nuôi con cùng chị TT. Về tài sản: anh chị không có gì chung nên không đề nghị giải quyết. Về nợ: anh chị không có nợ chung, về phần nợ riêng của anh Th không liên quan đến chị TT, anh tự chịu trách nhiệm trả nợ riêng không đề nghị Tòa án giải quyết. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ chị TT trình bày: sau khi chị TT anh Th kết hôn, tổ chức cưới, anh chị về chung sống, ăn ở, sinh hoạt cùng gia đình bà. Do anh Th không chịu làm ăn, không có công việc ổn định, mải chơi, không giúp đỡ chị TT việc trông, chăm sóc các con nên vợ chồng mâu thuẫn. Mặc dù vợ chồng bà đã hỗ trợ anh chị về nơi ăn ở, kinh tế, tạo công việc cho anh Th làm nhưng anh Th đã không chịu làm, có những hành vi thiếu trung thực với bà, lời nói không tôn trọng bà. Sau đó, anh Th đã bỏ ra ngoài thuê trọ sống một mình, tụ tập chơi bời dẫn đến vay nợ rồi không có khả năng trả nợ. Chủ nợ liên tục gọi điện cho chị TT, cho bà để đòi nợ, đe dọa bà, đã làm ảnh hưởng đến công việc, xáo trộn cuộc sống gia đình bà, mẹ con chị TT. Thời gian dài anh Th không quay về nhà bà, không về thăm mẹ con chị TT. Nay chị TT xin ly hôn anh Th, bà đề nghị Tòa án chấp thuận cho chị TT được ly hôn để mỗi bên ổn định cuộc sống riêng.

Tại phiên toà, chị TT và anh Th đều vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Nam Sách tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

** Hướng giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoảng 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đào Tuyết TT về việc ly hôn với anh Phạm Thanh T Th. Về con chung: Giao hai con chung là Phạm P, sinh ngày 07/01/2019 và Phạm K, sinh ngày 04/8/2021 cho chị TT nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị Đào Tuyết TT phải chịu 300.000đồng án phí dân sự, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đào Tuyết TT yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn là anh Phạm Thanh T Th, sinh năm 1990; Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn P, xã P, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Đào Tuyết TT là nguyên đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Phạm Thanh T Th được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Chị Đào Tuyết TT và anh Phạm Thanh T Th tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận HK, Th phố Hà Nội ngày 12/6/2018, cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị TT, anh Th chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th không chịu làm ăn, không có thu nhập ổn định, không quan tâm tới gia đình, vợ chồng không hợp nhau trong cách làm ăn kinh tế. Anh chị đã sống ly thân với nhau một thời gian nhưng không có biện pháp hàn gắn, đoàn tụ. Việc anh Th vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung của vụ án

thể hiện anh không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, không có thiện chí đoàn tụ với chị TT. Như vậy, hôn nhân giữa chị TT, anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị TT về việc ly hôn anh Th là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị TT và anh Th có 02 con chung là Phạm P, sinh ngày 07/01/2019 và Phạm K, sinh ngày 04/8/2021. Cả hai con chung đang ở cùng với chị TT. Chị TT có nơi ở, có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chưa Th niên, cần giao cả hai con chung chị TT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi Th niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị TT không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị TT không yêu cầu giải quyết nên không phải xem xét.

[6] Về án phí: Chị TT phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Tuyết TT.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Tuyết TT ly hôn anh Phạm Thanh T Th.

2. Về con chung: Khi ly hôn, giao hai con chung là Phạm P, sinh ngày 07/01/2019 và Phạm K, sinh ngày 04/8/2021 cho chị Đào Tuyết TT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung Th niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị TT không yêu cầu anh Th phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị TT.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Đào Tuyết TT phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số AA/2021/0001600 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Chị Đào Tuyết TT đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Tuyết TT và anh Phạm Thanh Tuyền Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND phường HG, quận HK, Tp Hà Nội (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

Phạm Thúy Hằng